

Số: 66/2018/QĐST-HNGĐ

Hà Trung, ngày 20 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lưu Vũ C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm 3, xã HN, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 3, xã HN, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/8/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/8/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Vũ C và chị Nguyễn Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:** Anh Lưu Vũ C và chị Nguyễn Thị M thừa nhận có hai con chung, các cháu tên là Lưu Thúy N, sinh ngày 06/9/2005 và cháu Lưu Vũ N, sinh ngày 25/01/2015. Anh C và chị M thỏa thuận, chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Thúy N và cháu Vũ N, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho mỗi cháu, hai cháu là

3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) một tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 8/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị M có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con nếu chưa thi hành án, anh C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

*** Về tài sản:** Anh C và chị M thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Anh C và chị M thỏa thuận anh C chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh C đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000220 ngày 23/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh C đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Văn Hồng